

**CÔNG TY CỔ PHẦN KIẾN TRÚC VÀ NỘI THẤT TONY GROUP**  
**CÔNG BỐ NỘI DUNG ĐĂNG KÝ THÀNH LẬP MỚI**

**1. Tên công ty**

Tên công ty viết bằng tiếng Việt: CÔNG TY CỔ PHẦN KIẾN TRÚC VÀ NỘI THẤT TONY GROUP

Tên công ty viết bằng tiếng nước ngoài:

Tên công ty viết tắt:

**2. Mã số doanh nghiệp:** 0110435211

**3. Ngày thành lập:** 02/08/2023

**4. Địa chỉ trụ sở chính:**

Thôn Tam Cảnh, Xã Đồng Trúc, Huyện Thạch Thất, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Điện thoại: 076 488 2222

Fax:

Email: [tonygroup22@gmail.com](mailto:tonygroup22@gmail.com)

Website:

**5. Ngành, nghề kinh doanh:**

| STT | Tên ngành                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                | Mã ngành |
|-----|--------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|----------|
| 1.  | Hoàn thiện công trình xây dựng<br>Chi tiết:<br>- Trát vữa bên trong và bên ngoài các công trình nhà và công trình xây dựng khác, bao gồm các nguyên liệu đánh bóng;<br>- Lắp đặt cửa ra vào (loại trừ cửa tự động và cửa cuốn), cửa sổ, khung cửa ra vào, khung cửa bằng gỗ hoặc bằng những vật liệu khác;<br>- Lắp đặt thiết bị, đồ dùng nhà bếp, cầu thang và những hoạt động tương tự;<br>- Lắp đặt thiết bị nội thất;<br>- Hoạt động hoàn thiện bên trong công trình như: Làm trần, ốp gỗ tường, hoặc vách ngăn di chuyển được ...<br>- Xếp, lợp, treo hoặc lắp đặt trong các tòa nhà hoặc các công trình khác:<br>+ Lát sàn hoặc tường bằng gạch, bê tông, đá xẻ, gạch gốm;<br>+ Lót ván sàn và các loại phủ sàn bằng gỗ khác;<br>+ Thảm và tấm phủ sơn lót sàn, bao gồm bằng cao su và nhựa;<br>+ Lát sàn hoặc ốp tường bằng gạch không nung, đá hoa cương (granit), đá phiến ...<br>+ Giấy dán tường.<br>- Sơn bên ngoài và bên trong công trình nhà;<br>- Sơn các kết cấu công trình dân dụng;<br>- Lắp gương, kính;<br>- Làm sạch các tòa nhà mới sau xây dựng;<br>- Các công việc hoàn thiện nhà khác;<br>- Lắp đặt nội thất cá cửa hàng, nhà di động, thuyền. | 4330     |
| 2.  | Đại lý, môi giới, đấu giá hàng hóa<br>Loại trừ hoạt động đấu giá                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                         | 4610     |

|     |                                                                                                                                                                         |             |
|-----|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------|
| 3.  | Bán buôn gạo, lúa mỳ, hạt ngũ cốc khác, bột mỳ                                                                                                                          | 4631        |
| 4.  | Bán buôn thực phẩm                                                                                                                                                      | 4632        |
| 5.  | Bán buôn đồ uống                                                                                                                                                        | 4633        |
| 6.  | Bán buôn đồ dùng khác cho gia đình                                                                                                                                      | 4649        |
| 7.  | Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng                                                                                                                 | 4663        |
| 8.  | Xây dựng nhà để ở                                                                                                                                                       | 4101(Chính) |
| 9.  | Xây dựng nhà không để ở                                                                                                                                                 | 4102        |
| 10. | Xây dựng công trình điện                                                                                                                                                | 4221        |
| 11. | Xây dựng công trình cấp, thoát nước                                                                                                                                     | 4222        |
| 12. | Xây dựng công trình viễn thông, thông tin liên lạc                                                                                                                      | 4223        |
| 13. | Xây dựng công trình công ích khác                                                                                                                                       | 4229        |
| 14. | Xây dựng công trình thủy                                                                                                                                                | 4291        |
| 15. | Bán lẻ đồ ngũ kim, sơn, kính và thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng trong các cửa hàng chuyên doanh                                                                    | 4752        |
| 16. | Bán lẻ đồ điện gia dụng, giường, tủ, bàn, ghế và đồ nội thất tương tự, đèn và bộ đèn điện, đồ dùng gia đình khác chưa được phân vào đâu trong các cửa hàng chuyên doanh | 4759        |

**6. Vốn điều lệ:** 20.000.000.000 VNĐ

Mệnh giá cổ phần:

**7. Số cổ phần được quyền chào bán:**

**8. Cổ đông sáng lập:**

| STT | Tên cổ đông     | Địa chỉ liên lạc<br>đối với cá nhân;<br>địa chỉ trụ sở<br>chính đối với tổ<br>chức           | Loại cổ<br>phần                    | Số cổ<br>phần | Giá trị cổ phần<br>(VNĐ) | Tỷ lệ<br>(%) | Số giấy<br>CMND<br>(hoặc số<br>chứng thực<br>cá nhân<br>khác); Mã<br>số doanh<br>nghiệp; Số<br>quyết định<br>thành lập | Ghi<br>chú |
|-----|-----------------|----------------------------------------------------------------------------------------------|------------------------------------|---------------|--------------------------|--------------|------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------------|
| 1   | TRẦN HỮU<br>ĐAN | Thôn Tam Cảnh,<br>Xã Đồng Trúc,<br>Huyện Thạch<br>Thất, Thành phố<br>Hà Nội, Việt Nam        | Cổ phần<br>phổ<br>thông            | 800.000       | 8.000.000.000            | 40,000       | 0010980020<br>51                                                                                                       |            |
|     |                 |                                                                                              | Cổ phần<br>ưu đãi<br>biểu<br>quyết | 0             | 0                        | 0,000        |                                                                                                                        |            |
|     |                 |                                                                                              | Cổ phần<br>ưu đãi<br>cổ tức        | 0             | 0                        | 0,000        |                                                                                                                        |            |
|     |                 |                                                                                              | Cổ phần<br>ưu đãi<br>hoàn lại      | 0             | 0                        | 0,000        |                                                                                                                        |            |
|     |                 |                                                                                              | Các cổ<br>phần ưu<br>đãi khác      | 0             | 0                        | 0,000        |                                                                                                                        |            |
|     |                 |                                                                                              | Tổng số                            | 800.000       | 8.000.000.000            | 40,000       |                                                                                                                        |            |
|     |                 |                                                                                              |                                    |               |                          |              |                                                                                                                        |            |
| 2   | LÊ VĂN<br>DŨNG  | TDP Hưng<br>Thông, Phường<br>Quảng Thọ,<br>Thành phố Sầm<br>Sơn, Tỉnh Thanh<br>Hoá, Việt Nam | Cổ phần<br>phổ<br>thông            | 1.100.0<br>00 | 11.000.000.000           | 55,000       | 0380890066<br>79                                                                                                       |            |
|     |                 |                                                                                              | Cổ phần<br>ưu đãi<br>biểu<br>quyết | 0             | 0                        | 0,000        |                                                                                                                        |            |
|     |                 |                                                                                              | Cổ phần<br>ưu đãi<br>cổ tức        | 0             | 0                        | 0,000        |                                                                                                                        |            |
|     |                 |                                                                                              | Cổ phần<br>ưu đãi<br>hoàn lại      | 0             | 0                        | 0,000        |                                                                                                                        |            |
|     |                 |                                                                                              | Các cổ<br>phần ưu<br>đãi khác      | 0             | 0                        | 0,000        |                                                                                                                        |            |
|     |                 |                                                                                              | Tổng số                            | 1.100.0<br>00 | 11.000.000.000           | 55,000       |                                                                                                                        |            |
|     |                 |                                                                                              |                                    |               |                          |              |                                                                                                                        |            |

|   |               |                                                                               |                           |         |               |       |              |
|---|---------------|-------------------------------------------------------------------------------|---------------------------|---------|---------------|-------|--------------|
| 3 | PHẠM THỊ THUY | TDP Hưng Thông, Phường Quảng Thọ, Thành phố Sầm Sơn, Tỉnh Thanh Hoá, Việt Nam | Cổ phần phổ thông         | 100.000 | 1.000.000.000 | 5,000 | 038190004516 |
|   |               |                                                                               | Cổ phần ưu đãi biểu quyết | 0       | 0             | 0,000 |              |
|   |               |                                                                               | Cổ phần ưu đãi cổ tức     | 0       | 0             | 0,000 |              |
|   |               |                                                                               | Cổ phần ưu đãi hoàn lại   | 0       | 0             | 0,000 |              |
|   |               |                                                                               | Các cổ phần ưu đãi khác   | 0       | 0             | 0,000 |              |
|   |               |                                                                               | Tổng số                   | 100.000 | 1.000.000.000 | 5,000 |              |

### 9. Cổ đông là nhà đầu tư nước ngoài:

| STT | Tên cổ đông | Chỗ ở hiện tại đối với cá nhân; địa chỉ trụ sở chính đối với tổ chức | Loại cổ phần | Số cổ phần | Giá trị cổ phần (VNĐ; giá trị tương đương bằng tiền nước ngoài, nếu có) | Tỷ lệ (%) | Số hộ chiếu đối với cá nhân; Mã số doanh nghiệp đối với doanh nghiệp; Số Quyết định thành lập đối với tổ chức | Ghi chú |
|-----|-------------|----------------------------------------------------------------------|--------------|------------|-------------------------------------------------------------------------|-----------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------|---------|
|-----|-------------|----------------------------------------------------------------------|--------------|------------|-------------------------------------------------------------------------|-----------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------|---------|

### 10. Người đại diện theo pháp luật:

\* Họ và tên: LÊ VĂN DŨNG

Giới tính: Nam

Chức danh: Giám đốc

Sinh ngày: 20/11/1989

Dân tộc: Kinh

Quốc tịch: Việt Nam

Loại giấy tờ pháp lý của cá nhân: Thẻ căn cước công dân

Số giấy tờ pháp lý của cá nhân: 038089006679

Ngày cấp: 28/09/2021

Nơi cấp: Cục cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội

Địa chỉ thường trú: TDP Hưng Thông, Phường Quảng Thọ, Thành phố Sầm Sơn, Tỉnh Thanh Hoá, Việt Nam

Địa chỉ liên lạc: TDP Hưng Thông, Phường Quảng Thọ, Thành phố Sầm Sơn, Tỉnh Thanh Hoá, Việt Nam

11. Nơi đăng ký: Phòng Đăng ký kinh doanh Thành phố Hà Nội